

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43/2025/DSST**

Ngày: 23-9-2025

V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huệ;

2/ Ông Trần Đức Hòa;

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:** ông Đỗ Duy Hiếu – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST - DS, ngày 09 tháng 9 năm 2025 giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (Sacombank)

Địa chỉ: 266-268, Nam Kỳ Khởi Ngh, phường Võ Thị S, quận 3, TP.Hồ Chí Minh (nay là 266-268, Nam Kỳ Khởi Ngh, phường Xuân H, TP. Hồ Chí Minh)

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H

Địa chỉ: thôn Đức Ph, xã Bù Đ, tỉnh Đồng Nai

(theo giấy ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 và giấy ủy quyền số 95/GUQ-PGD Bù Đăng ngày 22/4/2025)

- *Bị đơn:* Bà Nông Thị Đ, sinh năm: 1990

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 1, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai)

(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2025 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Bà Nông Thị Đ có phát sinh quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T - Bình Phước – PGD Bù Đăng, cụ thể bà Nông Thị Đ có ký kết với Ngân hàng 01 Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều lệ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (gọi chung là Hợp đồng) vào ngày 25/11/2022. Số tiền đề nghị cấp tín dụng là 50.000.000 đồng. Biện pháp bảo đảm: không có. Căn cứ thu nhập của bà Nông Thị Đ, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Classic có số tài khoản 3654475197 với hạn mức là 50.000.000 đồng cho bà Đ. Bà Đ đã nhiều lần rút tiền mặt để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của cá nhân trên ATM từ hạn mức thẻ tín dụng được cấp với số tiền giải ngân là 50.000.000 đồng. Sau đó bà Đ không trả theo thỏa thuận nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Đ và chuyển toàn bộ dư nợ của bà Đ là 54.232.410 đồng sang nợ quá hạn.

Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bà Đ thanh toán nợ vay nhưng bà Đ không thanh toán vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã quy định tại Hợp đồng. Do đó, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Đ trả số tiền dư nợ gốc là 54.232.410 đồng và tiền lãi quá hạn cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và buộc bà Đ phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh có liên quan.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên lời khai và yêu cầu bà Đ trả số tiền dư nợ gốc là 54.232.410 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 57.677.307 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và buộc bà Đ phải chịu toàn bộ án phí và các chi phí phát sinh có liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai) phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nông Thị Đ trả tiền vay 54.232.410 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T khởi kiện bà Nông Thị Đ yêu cầu trả số tiền vay 54.232.410 đồng và tiền lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Nông Thị Đ cư trú tại thôn 1, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 1, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai

[2] Xét giao dịch giữa Ngân hàng và bà Nông Thị Đ được xác lập ngày 25/11/2022. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật liên quan để giải quyết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Theo lời khai của nguyên đơn cũng như nội dung của Hợp đồng thì thời hạn trả là ngày 15/8/2023. Ngày 22/4/2025, Ngân hàng nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu bà Nông Thị Đ trả số tiền vay 54.232.410 đồng:

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (gọi chung là Hợp đồng) ngày 25/11/2022 giữa Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T và bà Nông Thị Đ thể hiện ngày 25/11/2022 Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB Jspeedy Cre Classic có số tài khoản 3654475197 với hạn mức là 50.000.000 đồng cho bà Nông Thị Đ. Sau khi được cấp thẻ, bà Nông Thị Đ đã sử dụng thẻ thực hiện các khoản vay tiêu dùng với số tiền là 54.232.410 đồng.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 17 Điều 4 khoản 2 Điều 100, điểm a khoản 3 Điều 107 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bà Nông Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của các bên tại phần cam kết *“tôi/chúng tôi có nghĩa vụ thanh toán dư nợ đầy đủ và đúng hạn theo yêu cầu của Sacombank”* ghi nhận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và mục 18.2 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nông Thị Đ trả khoản nợ là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét, về số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bà Nông Thị Đ trả nợ cho thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã thể hiện, tính đến thời điểm ngày 23/9/2025 bà Đ còn nợ Ngân hàng số dư nợ là 54.232.410 đồng (trong đó bao gồm số tiền mà bà Đ đã sử dụng, các loại phí, lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ). Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Đ trả số tiền dư nợ là 54.232.410 đồng là có cơ sở chấp nhận”*.

[5] Về yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu bà Nông Thị Đ trả số tiền lãi phát sinh từ ngày quá hạn đến ngày 23/9/2025 (ngày xét xử) với số tiền là 57.677.307 đồng. Xét, theo nội dung của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T ghi nhận; “áp dụng lãi suất quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Sacombank”, “chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi phát sinh trên Thẻ”, “lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn”. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng khai nhận Ngân hàng tính lãi suất quá hạn là 4.149%/ tháng. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận.... Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất”. Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này”. Xét, các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi tại hợp đồng tín dụng là không vi phạm điều cấm của pháp luật về giao dịch tín dụng, không trái với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng. Do đó, có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi của các bên. Do đó, căn cứ vào khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng.

[6] Về các nội dung khác:

[6.1] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”. Do đó, bị đơn bà Nông Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận

[6.2] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6.3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 298, Điều 317 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Nông Thị Đ

Buộc bị đơn bà Nông Thị Đ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền vay là 54.232.410 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử (ngày 23/9/2025) là 57.677.307 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bị đơn bà Nông Thị Đ phải trả là 111.909.717 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nông Thị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 25/11/2022 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nông Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.595.485 đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.495.855 đồng theo biên lai thu tiền số 0009807 ngày 23 tháng 5 năm 2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/9/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu văn phòng/ hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

